

TIỀN LÃI CHẬM TRẢ TRONG THỎA THUẬN DÂN SỰ, THƯƠNG MẠI

Bài viết này nhằm giới thiệu một số lưu ý về cách tính tiền lãi chậm trả trong các giao dịch thương mại, dân sự không liên quan đến tổ chức tín dụng theo pháp luật hiện hành.

1. Tiền lãi chậm trả là gì?

1.1. Theo quy định, tiền lãi chậm trả được giải thích trong hai văn bản luật cơ bản là BLDS 2015 và Luật thương mại 2005, cụ thể

(a) Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 (“**BLDS 2015**”) quy định

“Điều 357. Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền

1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.”

(b) Điều 306 Luật thương mại 2005 quy định

“Điều 306. Quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán

Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.”

1.2. Theo đó, tiền lãi chậm trả được hiểu là khoản tiền lãi phát sinh từ việc một bên chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán một khoản tiền theo thỏa thuận dân sự hoặc thương mại giữa các bên.

2. Đối tượng phát sinh lãi chậm trả

2.1. Theo các quy định nêu trên đây, đối tượng phát sinh lãi chậm trả là nghĩa vụ thanh toán tiền theo thỏa thuận, hợp đồng do các bên thỏa thuận, gồm tiền hàng hoặc tiền thù lao dịch vụ, và các chi phí hợp lý khác.

2.2. Các khoản tiền phạt vi phạm và tiền bồi thường thiệt hại không được xác định là đối tượng phát sinh lãi chậm trả theo Án lệ số 09/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

3. Phương thức tính tiền lãi chậm trả

3.1. Công thức tính tiền lãi chậm trả

Lãi chậm trả = Lãi suất chậm trả x Thời gian chậm trả

3.2. Mức lãi suất

3.2.1. Mức lãi suất tính tiền lãi chậm trả được xác định theo thỏa thuận giữa các bên, nhưng không vượt quá mức lãi suất tại khoản 1 Điều 468 BLDS 2015, tức 20%/năm theo quy định hiện hành.

3.2.2. Trong trường hợp các bên không có thỏa thuận, mức lãi suất được xác định theo hai trường hợp:

(a) đối với các thỏa thuận dân sự không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Thương Mại 2005 (sau đây gọi chung là thỏa thuận dân sự), bằng 50% mức lãi suất tại khoản 1 Điều 468 BLDS 2015 tại thời điểm trả nợ căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS 2015;

(b) đối với các giao dịch thương mại thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Thương Mại 2005 (sau đây gọi chung là thỏa thuận thương mại), bằng lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán căn cứ theo Điều 306 Luật Thương Mại 2005.

Việc xác định lãi suất nợ quá hạn trung bình được Tòa án xác định, khi có tranh chấp và vụ án được thụ lý, căn cứ vào mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ít nhất 03 (ba) ngân hàng thương mại (Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam,...) có trụ sở, chi nhánh hoặc phòng giao dịch tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi Tòa án đang giải quyết, xét xử có trụ sở tại thời điểm thanh toán (thời điểm xét xử sơ thẩm) theo hướng dẫn tại Điều 11 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 ("**Nghị Quyết 01/2019**"). Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cũng đã đưa cách tính này áp dụng trong phần nhận định của Tòa án nhân dân tối cao tại Án lệ 09/2016/AL công bố trước đó.

3.3. Thời gian chậm trả

3.3.1. Theo quy định pháp luật, bên vi phạm phải trả tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

3.3.2. Khi có tranh chấp phát sinh và vụ án được thụ lý, thời gian chậm trả tiền lãi trên nợ gốc chưa trả được tính bắt đầu kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày phải trả lãi trên nợ gốc đến thời điểm xét xử sơ thẩm, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác theo Điều 6 Nghị Quyết 01/2019.

3.4. Giới hạn tính tiền lãi chậm trả

3.4.1. Không có quy định giới hạn mức tối đa phải trả đối với nghĩa vụ trả lãi chậm trả đối với thỏa thuận dân sự hay thỏa thuận thương mại.

3.4.2. Đối với thỏa thuận thương mại thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Thương Mại 2005 và có thỏa thuận trọng tài có hiệu lực, trên thực tế dựa trên phán quyết trọng tài được AN Legal tiếp cận, tiền lãi chậm trả có thể được Hội đồng trọng tài xem là một khoản phạt vi phạm và bị giới hạn bởi mức phạt vi phạm 8% tính trên phần nghĩa vụ thanh toán bị vi phạm, nếu không có thỏa thuận khác./.
